

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-PT  
Ngày 01/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Tiến.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Xuân và bà Hoàng Thị Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Các ngày 26/11/2020 và 01/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2020/TLPT-HS ngày 20/10/2020 đối với bị cáo Sùng Mí N, do có kháng cáo của bị cáo Thào Thị M và bị hại Hùng Thanh B, đối với Bản án án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Thào Thị M** sinh năm 1979 tại xã L, huyện Đ, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Pháy T sinh năm 1943 và bà Sinh Thị C sinh năm 1942; có chồng: Hùng Thanh B sinh năm 1981; có 03 con: Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; hiện đang bị áp dụng Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**- Bị cáo bị kháng cáo:**

**Sùng Mí N** (tên gọi khác: Sùng Pà N) sinh ngày 29/5/1986 tại xã S, huyện Đ, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Sĩa G sinh năm 1946 (đã chết năm 2011) và bà Vừ Thị D sinh năm 1942; có vợ: Sùng Thị M sinh năm 1986; có 02 con: Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 98-QĐ/UBKTHU ngày 25/6/2019 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đồng Văn; Là đại biểu HĐND xã khóa XX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã bị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND theo Quyết Định số: 03/QĐ-HĐND ngày 28/6/2019; bị bắt từ ngày 25/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Anh Hùng Thanh B sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí N:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thào Thị M:* Ông Cao Xuân Bé - Luật sư, công tác viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt; và ông Nguyễn Thành Minh, Luật sư văn phòng Luật sư 54, địa chỉ: Số nhà 253 đường Trần phú, phường Phan thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

- *Bị hại:* Thào Thị M sinh năm 1979 tại xã L, huyện Đ, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; có mặt

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Bà Sùng Thị Cúc. Địa chỉ: Khu chung cư Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Giang, tổ 8 phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 31/5/2019, Hùng Thanh B thức dậy chuẩn bị đi bán hàng tại chợ phiên xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. B đi bộ từ nhà lên chỗ để ô tô BKS 23B-00910, màu sơn đen, nhãn hiệu DAEWOO GENTRA của gia đình, kiểm tra xe ô tô thì thấy lốp xe phía sau bên phụ bị non hơi. B liền gọi điện thoại cho Sùng Mí N (*trú cùng thôn*) đến giúp thay lốp xe để đi chợ. Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi giúp B thay lốp xe ô tô xong, N về nhà đi ngủ tiếp, còn B cùng vợ là Thào Thị M điều khiển xe ô tô đi bán hàng tại chợ phiên xã Lũng Cú. Khoảng 07 giờ cùng ngày, N đang ngủ thì nhận được điện thoại của M hỏi N hôm nay có làm gì không, N bảo "*không làm gì*". M bảo vợ chồng M đã đi đến chợ xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn rồi, sau đó tắt điện thoại. N tiếp tục nằm ngủ đến khoảng 08 giờ 00 phút, cùng ngày thì thức dậy, N lấy một chiếc áo mưa màu xanh ra mặc vì trời đang mưa (*loại áo mưa theo bộ, N chỉ mặc áo mưa không mặc quần mưa*) rồi một mình đi từ nhà đến vị trí đỗ xe ô tô của N mang BKS 23C-045.70, nhãn hiệu THACO, loại xe tải tự đổ ben để ở phía bên phải đường Quốc lộ 4C theo hướng Hà Giang - Đồng Văn. N lấy ở trong hòm đựng đồ sửa chữa bên cạnh sườn xe ô tô ra 01 chiếc kìm bằng sắt (*một bên tay cầm được bọc nhựa, một bên tay cầm không*), 01 chiếc búa đinh rồi đi về nhà, ra phía sau đứng ở trên nắp bể để sửa máng nước của gia đình, khoảng 10 phút sau thì sửa xong máng nước. N để chiếc búa đinh trên nắp bể nước và cầm chiếc kìm đi bộ xuống nhà B (*cách nhà N khoảng 100m*) với mục đích trộm cắp tài sản, lúc này vào khoảng 09 giờ cùng ngày. N đi đến tường rào được xây bằng gạch bi phía sau nhà B. N đứng bên ngoài ngó vào trong không thấy có người, N dùng hai tay bám trên thành tường rào, trèo qua tường rào vào bên trong. N đi men theo tường rào đến vị trí bể nước gần mái che (*mái che để đi từ trên nhà xuống bếp được làm bằng gỗ, lợp bằng mái fibro xi măng*). N trèo lên bể nước, chui nửa người vào phía trong mái che, sau đó dùng chiếc kìm đã cầm sẵn trên tay cắt đứt dây cáp nối vào chiếc camera theo dõi được

lắp dưới mái che. Sau khi cắt dây cáp nối camera, N tiếp tục đi xuống sân đi vào nhà tắm. Do thường xuyên đến nhà B chơi nên N biết gia đình B hay để chìa khóa cửa nhà chính ở trong mũ bảo hiểm treo trên móc quần áo sát cửa ra vào của buồng tắm. N lấy chìa khóa, đi về hướng cửa chính của gia đình B. Khi đến cửa chính (*loại cửa sắt xếp, gồm 02 cánh kéo đẩy sang hai bên*), N dùng chìa khóa để mở ổ khóa, sau đó N đẩy hai cánh cửa sang hai bên để tạo một khoảng trống (*khoảng 25cm*) rồi nghiêng người lách qua khe cửa đi vào trong nhà. N tiến đến kệ tủ tivi, được đặt ở gian bên phải tính từ ngoài cửa vào, ngắt nguồn điện nối vào chiếc camera theo dõi ở trong nhà. Sau đó, N đi vào phòng ngủ của hai vợ chồng B. Quan sát vị trí các đồ vật trong phòng, N nhìn thấy chiếc túi da màu đen đặt ở nền nhà gần chân giường bên tay phải trong buồng ngủ. N tiến đến dùng hai tay mở chiếc túi, nhìn thấy bên trong có một bọc tiền được đựng trong túi nilon màu đen, N dùng tay phải lấy túi nilon đựng tiền ra. Sau đó, tiếp tục lục chiếc túi da màu hồng treo ở trên giá sắt treo quần áo và lấy được một số nhân dân tệ (tiền Trung Quốc), rồi N cho vào cùng túi nilon đựng tiền đã lấy trước đó. Sau khi lấy được tiền, N đi ra khỏi nhà theo lối đã đi vào rồi khóa cửa nhà, để chìa khóa nhà lại vị trí cũ. N đi thẳng tới tường rào bên cạnh nhà bếp, khi đến tường rào, N lấy bọc tiền đã trộm cắp được cho vào chiếc túi áo trước ngực đang mặc trên người, bên trong chiếc áo mưa rồi trèo qua tường rào ra khỏi nhà B. N đi theo đường mòn lên Quốc lộ 4C, đến vị trí đỗ xe ô tô của mình rồi mở cửa leo lên xe. N nổ máy xe ô tô rồi điều khiển xe ô tô đi về hướng thị trấn Đồng Văn (*mục đích là đi mua dầu xe*) lúc đó vào khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày.

Khi đi đến đoạn hồ treo nhìn xuống nhà Vương (thuộc xã S, huyện Đ), N dừng xe và lấy số tiền vừa trộm cắp được ra đếm được tổng số là 220.000.000 đồng và 24.800 nhân dân tệ. Đếm xong, N bọc số tiền lại như ban đầu và để dưới chân cần sang số xe ô tô, rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đi về hướng Đồng Văn. Khi đến gần trụ sở UBND xã Thái Phìn Tùng, huyện Đồng Văn, lúc đó khoảng 10 giờ cùng ngày, có Sùng Mí D (người cùng thôn) gọi điện thoại cho N để thuê N đi xuống thành phố Hà Giang chở vật liệu xây dựng cho D, N đồng ý rồi quay xe lại để đi về nhà.

Trong khi đó, B và M đến chợ xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn vào khoảng 07 giờ ngày 31/5/2019. Trong quá trình buôn bán tại chợ, M gọi điện thoại cho con gái là Sùng Thị D về nhà để cho gà ăn và dọn nước bị đọng trên gác xếp. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, B và M dọn hàng và trở về nhà mẹ đẻ của B là bà Ly Thị C (*cách nhà B khoảng hơn 70 mét*) để ăn cơm cùng với bà C và Sùng Thị D. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, M một mình đi bộ về nhà trước. Khi đến nhà, M lấy chìa khóa mở cửa thì thấy cửa chính của gia đình vẫn B thường *nhưng phát hiện cửa ngách gần buồng ngủ của hai vợ chồng cài kiểu khác với thông thường*. M vào buồng của gia đình để kiểm tra thì thấy có dấu hiệu lục lọi đồ vật, kiểm tra số tiền đã chuẩn bị để đưa B đi chữa bệnh thì không thấy tiền đâu. M gọi điện cho con gái là D để hỏi xem D có được cất số tiền đó hay không, nhưng D trả lời là không cất. Sau đó, M gọi B về nhà. Khi về đến nhà, B kiểm tra số tiền đã cất nhưng không thấy, B kiểm tra camera của gia đình nhưng không được. B gọi điện nhờ **Sùng Mí N** đến nhà giúp kiểm tra camera, lúc này vào khoảng 13 giờ cùng ngày. N đi xuống nhà B xem camera nhưng khi đến nhà B, N thấy có nhiều người có mặt tại đây, N nói là không biết mở camera. Lúc này, có Công

an xã Sà Phìn và nhiều anh em trong gia đình B đến. N nói với B là N còn phải đi xuống thành phố Hà Giang để chở vật liệu xây dựng. N đi về chỗ để xe ô tô, mở cửa xe ô tô, cất bọc tiền đã trộm cắp được vào ngăn đựng đồ phía bên phụ của xe ô tô, lúc này vào khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày. N rủ con trai là Sùng Mí S xuống thành phố Hà Giang cùng mình. Trên đường đi, khi đến ngã ba xã Phó Cáo, huyện Đồng Văn, N đón thêm Thảo Mí V (*Ly Chờ V*), trú tại thôn T, xã P, huyện Đ đi cùng xuống thành phố Hà Giang để chở vật liệu xây dựng. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N, S, V về đến thành phố Hà Giang, thuê phòng để nghỉ tại nhà nghỉ Cao Nguyên. Khoảng 30 phút sau thì có Sùng Mí D (là người thuê N chở vật liệu xây dựng) điều khiển ô tô đi từ huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang về đến nhà nghỉ mà N đang nghỉ, rồi cả 04 người cùng nhau đi ăn cơm tối và về nhà nghỉ ngủ.

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 01/6/2019, N, D, S, V sau khi ăn sáng xong, D cùng V đi tìm mua vật liệu xây dựng còn hai bố con N và S mang xe ô tô của mình đi sửa. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N, D, V cùng nhau đi bốc vật liệu xây dựng lên xe ô tô của N. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì N, S, V, D cùng nhau đi ăn cơm, sau đó V, D tiếp tục điều khiển xe của D đi mua thêm vật liệu xây dựng còn N và con trai điều khiển xe ô tô của mình đi về xã S, huyện Đ trước. Trong suốt quá trình nghỉ, bốc hàng tại thành phố Hà Giang, N vẫn để bọc tiền trộm cắp được ở ngăn đựng đồ của xe ô tô.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đi đến Km7 quốc lộ 4C, hướng Hà Giang đi Đồng Văn thì N nhận được điện thoại của Thảo Thị M. N dừng xe rồi xuống xe nghe điện thoại của M. M nói về việc gia đình bị mất trộm tiền, hiện nay Công an huyện Đồng Văn đang lấy lời khai của M. Lúc này, N nói với M là tiền đang ở chỗ N, M không phải sợ, chiều tối lên đến nơi thì M đi lên trên đường để N trả cho M. Sau đó M nói: “N lấy tiền ở đâu thì N tự đem trả vị trí cũ, M không có thời gian”. Sau khi nghe M nói vậy, N tắt điện thoại tiếp tục điều khiển xe về nhà. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe ô tô về đến nhà Thảo Mí V tại thôn T, xã P, huyện Đ. N trả hàng tại nhà V, sau đó tiếp tục điều khiển xe đi về hướng thị trấn Đ. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, N về đến nhà, N một mình cầm số tiền trộm cắp được trèo qua tường rào đi thẳng vào trong nhà bếp rồi để tiền tại vị trí bàn bếp ga trong gian bếp của gia đình B, sau đó N quay về nhà (lúc này vợ chồng B, M đang ăn cơm tại nhà bà C).

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi cả gia đình ăn cơm tại nhà bà C xong thì M đi về nhà trước, còn B và con gái về sau. Khi M về đến nhà, M đi ra nhà bếp lấy ấm đun nước thì nhìn thấy một chiếc túi nilon màu đen để trên bàn bếp ga. M mở ra kiểm tra thấy trong túi nilon có số tiền của gia đình bị mất, M nói với B, sau đó B gọi điện thông báo cho gia đình đã tìm thấy tiền và báo cáo lại cho Công an huyện Đồng Văn.

Ngày 02/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn tiến hành lập biên bản tạm giữ và niêm phong toàn bộ số tiền trên để phục vụ công tác điều tra theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 25/6/2019, Sùng Mí N ra Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn để đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 28/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định khởi tố vụ án

hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Sùng Mí N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản Kết luận giám định số: 242/KL-PC09 ngày 05/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang kết luận: "*Số tiền Việt Nam và tiền Trung Quốc gửi giám định là tiền thật (có bảng thống kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo).*" (bút lục 137). Theo bảng kê thì tổng số tiền Việt Nam là 220.000.000 đồng, số tiền Trung Quốc là 24.800 nhân dân tệ.

Tại bản Kết luận giám định số: 249/KL-PC09, ngày 17/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang kết luận: "*Vết cắt tại đầu hai đoạn dây cáp kếp gửi giám định ký hiệu M1, M2 là do chiếc kìm gửi làm mẫu so sánh cắt ra*" (bút lục 144).

Tại Công văn số: 929/HAG-TH, ngày 06/9/2019 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc cung cấp tỷ giá đồng Nhân dân tệ, quy đổi tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam (VND) so với đồng Nhân dân tệ (CNY) áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo có hiệu lực từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 là:  $1 \text{ CNY} = 3.336,13 \text{ VND}$  (một CNY đổi được ba nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng một hào ba xu VND). (bút lục 158). Quy đổi  $24.800 \text{ CNY} = 24.800 \times 3.336,13 = 82.736.024$  đồng.

Như vậy, tổng số tiền N đã trộm cắp sau quy đổi là: 220.000.000 đồng + 82.736,024 đồng = **302.736.024 đồng**.

Quá trình điều tra, Sùng Mí N khai nhận do có quan hệ tình cảm với Thào Thị M nên trước thời điểm phạm tội, N và M có sự bàn bạc thống nhất việc N sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình M. Sau khi N thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản của gia đình M, khi Công an huyện Đồng Văn tiến hành điều tra, lo sợ phát hiện ra việc M và N đã bàn bạc từ trước nên N và M thống nhất đem số tiền lấy trộm được để lại vị trí cũ và xóa dấu vết để tránh sự phát hiện của gia đình M cũng như của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại cơ quan điều tra, Thào Thị M phủ nhận toàn bộ lời khai của N, chỉ thừa nhận việc biết rõ N là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình mình qua cuộc điện thoại vào khoảng 13 giờ ngày 01/6/2019 giữa N và M, khi biết N là người đã lấy trộm tiền của gia đình mình nhưng M đã không tố giác sự việc trên với cơ quan có thẩm quyền.

Để làm rõ các mâu thuẫn trên, trong các ngày 28/8/2019, 06/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn đã tiến hành đối chất giữa Sùng Mí N và Thào Thị M. Kết quả đối chất: M không thừa nhận việc bàn bạc với N để trộm cắp tài sản của gia đình mình, chỉ thừa nhận việc gọi điện thoại cho N thì được N nói là đã trộm cắp tiền của gia đình mình, M không báo cơ quan có thẩm quyền mà nói N đem trả tiền lại chỗ cũ cho gia đình M.

Ngày 10/9/2019, căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/QĐ-CQĐT; Quyết định khởi tố bị can số 36/QĐ-CQĐT đối với Thào Thị M về tội "*Không tố giác tội phạm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, nhận thấy cần làm rõ hành vi phạm tội của Thảo Thị M, ngày 26/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn ban hành Công văn số 01/VKSĐV về việc đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ngày 27/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2019/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn. Ngày 20/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn ban hành Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung lần thứ nhất cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn. Ngày 18/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn ban hành Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự đề nghị truy tố số 01/KLĐT-CQĐT. Ngày 20/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn ban hành Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung lần thứ hai cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn. Ngày 21/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn ban hành Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự đề nghị truy tố số 01/KLĐT-CQĐT

**Kết quả điều tra bổ sung như sau:** Hồi 14 giờ 30 ngày 06/3/2020, chị Sùng Thị M là vợ của Sùng Mí N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng là chiếc điện thoại của N đã ghi âm cuộc nói chuyện với Thảo Thị M vào các ngày 11/6/2019 và ngày 13/6/2019 (tại các bút lục số 428; 512; 513).

Tại bản Kết luận giám định số 2628/C09-P6, ngày 15/5/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận:

- *Nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 02 file ghi âm có ký hiệu A1, A2 đã được dịch ra tiếng Việt.*

- *Giọng nữ trong mẫu cần giám định (được ký hiệu là **Giọng nữ** trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) với giọng nói mẫu của Thảo Thị M, sinh năm 1979, trú tại Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H (ký hiệu M1) trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.*

- *Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép chỉnh sửa nội dung ghi âm trong các mẫu gửi giám định.*

Kèm theo kết luận giám định có: 01 Bản dịch ra tiếng Việt nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 08 trang A4. (tại các bút lục số 478 đến 502)

Tại bản Kết luận giám định số 194/C09-P6, ngày 29/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận:

- *Giọng nam trong mẫu cần giám định với giọng nói mẫu của Sùng Mí N (ký hiệu M1) trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.*

- *Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép chỉnh sửa nội dung ghi âm trong các mẫu gửi giám định (tại các bút lục số 709; 800).*

Căn cứ vào bản dịch thuật do Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an dịch 02 file ghi âm ra tiếng Việt (theo Kết luận giám định số: 2628/C09-P6, ngày 15/5/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an) được thể hiện qua các nội dung trong cuộc nói chuyện giữa M và N cụ thể như: Tại file ghi âm ký hiệu A1.amr (hội thoại ngày 11/6/2019) N nói: “Còn họ phạt anh thì tùy họ, anh sai thì anh tự kiểm

*tiền đi trả, còn nếu họ không phạt tiền mà bắt giam anh thì anh cũng chịu vì đã như vậy rồi, em đừng nghĩ nhiều”, M trả lời: “em nghĩ là anh đừng nhắc đến hôm chúng mình bàn bạc số tiền qua điện thoại”. Liên tiếp M nói: “Anh thấy đấy hôm anh Nhà Già đến làm lễ chôn em khi làm xong và tối hôm đó khi anh cũng đi rồi, Nhà Già nói xôn xao rằng có thể anh không bị bắt giam, nó nói thế đấy, em đã thuê Nhà Già làm cho cả hai bên, em đưa ông ấy 5 triệu, em cũng có hỏi ông Nhà Già ấy là xem thấy những gì, nó bảo là biết mọi thứ hết và nó nói với em là em khác gọi điện cho anh đưa tiền đến trả, nó nói luôn như thế”, N trả lời: “không sao, không sao cả”. Tại file ghi âm ký hiệu A2.amr (hội thoại ngày 13/6/2019) M nói: “Công an gọi điện, Công an nói là anh từ dưới kia về anh gọi điện nhưng em nói là có gọi nhưng không nói cụ thể, chỉ nói là biết rồi...và Công an đã biết hết”...*

Tại file ghi âm ký hiệu A1.amr (hội thoại ngày 11/6/2019) bị cáo M nói: “*Ơi anh có biết lúc này em khổ tâm lắm, em cũng nghĩ hết cách rồi, cũng tính nhiều cách nhưng chồng em không dễ dàng như anh nghĩ đâu, không thì anh cứ làm như lời em nói để gia đình em đỡ khổ tâm, em cũng nói anh đến gia đình em để xin lỗi cho xong mọi việc nhưng gia đình em không đồng ý để anh đến gặp, nếu chồng em không còn say rượu anh đến xin lỗi là được mà”.*

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Thào Thị M phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Hình phạt:

2.1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Mí N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 25/6/2019).

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 19; Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thào Thị M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng vụ án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2020, bị cáo Thào Thị M kháng cáo kêu oan với nội dung, bị cáo không phạm tội.

Ngày 15/9/2020, bị hại Hùng Thanh B kháng cáo với nội dung: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Sùng Mí N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thào Thị M và bị hại Hùng Thanh B vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo có kháng cáo; bị cáo bị kháng cáo và bị hại có kháng cáo, tội danh, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn,



tỉnh Hà Giang. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Thào Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Hùng Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Sùng Mí N, không có ý kiến tranh luận và nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát.

Ý kiến của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo N: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xét xử đối với bị cáo N là đúng người đúng tội, mức án tuyên phạt 36 tháng tù là phù hợp. Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

*Ý kiến của bị cáo M:* Bị cáo Thào Thị M không nhất trí kết luận của đại diện Viện kiểm sát, cho rằng mình không phạm tội "Không tố giác tội phạm".

*Ý kiến người bào chữa cho bị cáo Thào Thị M:* Thào Thị M không phạm tội "Không tố giác tội phạm" như Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên bởi các lý do sau đây:

- Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong việc không ghi tư cách tham gia tố tụng trong biên bản lấy lời khai của người được lấy lời khai: Sùng Mí N (bút lục 166, 168, 170, 172, 176), Thào Thị M (bút lục 206, 208, 210, 212, 214, 216, 218, 219), Hùng Thanh B (bút lục 237, 238). Luật sư đã đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập Điều tra viên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự để làm rõ nhưng không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bị cáo Thào Thị M tham gia với tư cách là bị hại, làm mất quyền tham gia tố tụng của bị hại M.

- Cáo trạng nhận định và đánh giá hành vi vi phạm của Thào Thị M là gương ép, không theo nguyên tắc suy đoán vô tội. Cấu thành cơ bản của tội "Không tố giác tội phạm" được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự: Thào Thị M không thể vừa là bị hại trong vụ án trộm cắp tài sản, lại vừa là bị cáo trong vụ án "Không tố giác tội phạm" được.

- VKS truy tố N về một tội là chưa đúng. Đúng ra N phạm 03 tội là Vu khống theo Điều 156 BLHS (Có quan hệ tình cảm trên mức B thường với M), tội Loạn luân Điều 184 BLHS và tội Trộm cắp tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo M và Hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm thủ tục tố tụng.

Bị cáo Thào Thị M nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung lời bào chữa. bị cáo khẳng định bị cáo không phạm tội "Không tố giác tội phạm" như quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn.

**Ý kiến của Luật sư Nguyễn Thành Minh:** Trong lịch sử chưa có vụ án nào vừa là bị hại (Mất tài sản) vừa là bị cáo vì không tố giác, trong khi bị hại lại không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo N chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả, bị cáo N không thành khẩn khai báo; trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện N tích cực với Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm và người phạm tội (Phát hiện ra 02 vụ án); Những người có mặt trong cuộc họp gia đình để N viết bản tường trình đều biết N phạm tội nhưng không tố giác cũng phạm tội Không tố giác tội phạm; bị cáo N là đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có tài liệu nào thể hiện N đã bị tạm đình chỉ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân; Bản



án tuyên Cải tạo không giam giữ nhưng không giao cho gia đình, cơ quan tổ chức giám sát, giáo dục.

**Bị cáo Thào Thị M:** Nhất trí với ý kiến của luật sư bào chữa và không bổ sung gì thêm.

**Ý kiến của bị hại Hùng Thanh B:** Không nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo N không thành khẩn khai báo, N khai là có quan hệ tình cảm với vợ tôi là Thào Thị M là không đúng sự thật làm phá vỡ hạnh phúc gia đình, N đổ lỗi cho M là người âm mưu hướng dẫn cho N đường đi, N cố ý cắt dây kamera một mình cắt vào trộm cắp tài sản. Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo M và người bị hại có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo và người bị hại là hợp pháp. Tuy nhiên, còn có sai sót như: Trong các biên bản ghi lời khai không ghi tư cách tham gia tố tụng của bị cáo Sùng Mí N; bị cáo Thào Thị M và bị hại Hùng Thanh B (bút lục 166, 168, 170, 172, 176; bút lục 206, 208, 210, 212, 214, 216, 218, 219; bút lục 237, 238). Tòa án cấp sơ thẩm không xác định Thào Thị M là bị hại trong vụ án trộm cắp tài sản, ảnh hưởng đến quyền kháng cáo và các quyền khác theo quy định tại Điều 62 BLTTHS. Nhưng xét thấy tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại đầy đủ cho gia đình bị hại và bị hại Hùng Thanh B đã kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo N, trong các biên bản ghi lời khai của bị cáo M đều được cơ quan điều tra phân tích giải thích các quyền và nghĩa vụ. Do đó quyền của bị hại Thào Thị M vẫn được đảm bảo. Những vi phạm như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quá trình Điều tra truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng và không làm thay bản chất của vụ án.

[3] Về tội danh đối với bị cáo Sùng Mí N: Tại phiên tòa bị cáo Sùng Mí N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm của nhân dân huyện Đồng Văn đã nêu, bị cáo khai nhận vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 31/5/2019 đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 220.000.000 đồng và 24.800 nhân dân tệ của gia đình anh Hùng Thanh B. Tổng trị giá tài sản (tiền mặt) bị cáo trộm cắp được (sau quy đổi) là **302.736.024 đồng**. Từ căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Sùng Mí N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng phạm luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Hùng Thanh B, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Sùng Mí N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Về các tình tiết tăng nặng: Không có; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện đem trả toàn bộ số tiền đã trộm cắp được cho gia đình

bị hại và đã tích cực tác động để gia đình bị cáo đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng để sửa chữa kamera; **trong khi đang bị tạm giam, Sùng Mí N đã tích cực hỗ trợ cơ quan điều tra huyện Đồng Văn điều tra 01 vụ án hình sự Giết người và 01 vụ án Mua bán người**; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về mức hình phạt đối với bị cáo Sùng Mí N: Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo Sùng Mí N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; xâm hại đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho người dân tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đồng thời để nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục cũng như ngăn chặn thực trạng tội phạm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang nói riêng và cả nước nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang bị tạm giam, vợ bị cáo nuôi hai con nhỏ đang độ tuổi ăn học, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Nguyễn Thanh B không cung cấp thêm chứng cứ gì mới ngoài những chứng cứ đã được cung cấp tại cấp sơ thẩm để bảo vệ yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo để tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo Thào Thị M kêu oan: Về tội danh; tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội không tố giác tội phạm của mình như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn đã tuyên, nhưng thừa nhận có thấy bị cáo N nói là đang cầm tiền của gia đình M. Nhưng vì N là trưởng thôn, là Đảng viên, là người tốt nên M không muốn N bị ảnh hưởng. Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Sáng ngày 31/5/2019 bị cáo Sùng Mí N thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản của gia đình anh Hùng Thanh B, đến khoảng 13 giờ ngày 01/6/2019 bị cáo Thào Thị M đã gọi điện thoại cho bị cáo N. Bị cáo N có nói cho bị cáo M biết việc N đã lấy trộm số tiền 220.000.000 đồng và 24.800 nhân dân tệ của gia đình anh Hùng Thanh B, hiện tại tiền đang ở chỗ bị cáo N và bị cáo N có nói chiều tối lên đến nơi thì M đi lên trên đường để bị cáo N trả lại tiền cho gia đình bị cáo. Đồng thời bị cáo Thào Thị M có nói với bị cáo N: “*N lấy tiền ở đâu thì N tự đem trả vị trí cũ, M không có thời gian*”, đến tối ngày 01/6/2019 bị cáo N tự đem trả lại tiền cho gia đình anh Hùng Thanh B. Ngoài ra giữa bị cáo N và bị cáo Thào Thị M còn có 02 cuộc gọi với nhau (một cuộc vào ngày 11/6/2019 *(thời lượng 08 phút 36 giây)*); một cuộc vào ngày 13/6/2019 *(thời lượng 26 phút 53 giây)* trao đổi với nhau về việc gia đình bị cáo M mất cắp. Qua các cuộc điện thoại có đủ cơ sở khẳng

định bị cáo Thảo Thị M biết rõ là bị cáo N trộm cắp tài sản nhưng bị cáo M đã không tố giác bị cáo N. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Thảo Thị M phạm tội không tố giác tội phạm được quy định tại Điều 390 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[9] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Thảo Thị M là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo có thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm và vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của công dân đối với trách nhiệm đấu tranh phòng chống tội phạm do luật quy định, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Nhưng tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại ngay sau đó (thiệt hại về tài sản đã được khắc phục toàn bộ), nên hậu quả của hành vi phạm tội đã được hạn chế đến mức thấp nhất. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 390 điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 5; Điều 19; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thảo Thị M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo, là có căn cứ, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên thời hạn thi hành án cải tạo không giam giữ và không giao bị cáo M cho chính quyền địa phương nơi bị cáo M đang cư trú giám sát, giáo dục là thiếu sót. Nhưng xét thấy thiếu sót đó không vi phạm tố tụng nghiêm trọng cũng như không làm thay đổi bản chất của vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[10] **Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo M:** Bị cáo M không phạm tội không tố giác tội phạm, vì M tin N là Đảng viên, trưởng thôn, là người thân thiết và lại là chú họ nên không nghĩ chắc chắn N là người Trộm cắp tài sản và nếu không chắc chắn thì không dám tố cáo, nếu tố cáo thì sợ phạm tội vu khống, trong khi bị hại Thảo Thị M không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, tài sản bị chiếm đoạt thuộc sở hữu một phần của M, M không thể vừa là bị cáo vừa là bị hại trong vụ án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 BLHS quy định mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng chống tội phạm. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ chứng minh bị cáo Thảo Thị M biết rõ N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà không tố giác, được chứng minh qua các lời khai của bị cáo M và các cuộc điện thoại giữa bị cáo M với bị cáo N như đã phân tích ở trên [mục 8]. Tài sản mà bị cáo N trộm cắp là tài sản chung của vợ chồng bị cáo M với bị hại B, do đó bị cáo M là bị hại trong vụ án trộm cắp tài sản.

[11] Người bào chữa cho bị cáo M cho rằng bị cáo N là Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhưng chưa có tài liệu nào thể hiện đã tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi khởi tố vụ án. Xét thấy cơ quan điều tra có vi phạm Điều 100 Luật tổ chức chính quyền địa phương, trong việc tạm giữ bị cáo N. Tuy nhiên Hội đồng nhân dân xã S, huyện Đ đã ra Quyết định tạm đình chỉ số 03/QĐ- HĐND ngày 28/6/2019 về việc tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Như vậy, vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án đồng thời không vi phạm tố tụng.

[12] Ý kiến của người bào chữa cho rằng bị cáo N không có tình tiết giảm nhẹ ở điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo N không thành khẩn khai báo, đổ

lỗi, vu khống cho bị cáo M có quan hệ tình cảm, đồng phạm trong việc trộm cắp tài sản, trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện bị cáo N tích cực với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm và người phạm tội (Phát hiện ra 02 vụ án). Tại các biên bản làm việc của Công an huyện Đồng Văn ngày 6/11/2019 và 24/4/2020 có ghi nhận nội dung bị cáo N đã cung cấp thông tin liên quan đến vụ án Giết người và vụ án Mua bán người. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N khai báo toàn hành vi phạm tội của mình lời khai ổn định không mâu thuẫn. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo N hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[13] Về nội dung người bào chữa có ý kiến cho rằng những người có mặt trong cuộc họp gia đình để N viết bản tường trình đều biết bị cáo N phạm tội, nhưng không tố giác có phạm tội không tố giác tội phạm hay không. Căn cứ bản tường trình ngày 17/6/2019 (BL 510) bị cáo N nói: *"sự việc đã được công an huyện đồng văn vào cuộc, Công an đã huyện triệu tập tôi và tra hỏi về vụ việc, tôi cũng đã thành thật khai nhận được lấy tiền của ông B "*, do đó những người có mặt khi bị cáo N viết bản tường trình cho rằng công an huyện đã biết sự việc. Như vậy cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với những người có mặt tại cuộc họp gia đình về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ.

[14] Về ý kiến người bào chữa cho rằng bị cáo N phạm 03 tội là Vu Khống theo Điều 156 BLHS (Có quan hệ tình cảm trên mức B thường với bị cáo M), tội Loạn luân Điều 184 BLHS và tội Trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chứng minh bị cáo N phạm các tội Vu khống và Loạn luân.

[15] Từ những phân tích, đánh giá trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét; ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần được chấp nhận, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thảo Thị M và bị hại Hùng Thanh B và ý kiến của Luật sư. Vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, Giữ nguyên Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

[16] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Thảo Thị M không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Hùng Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Các quyết định khác của bản án Hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hùng Thanh B và bị cáo Thảo Thị M. Giữ nguyên bản án số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí N (Tên gọi khác: Sùng Pà N) phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Thảo Thị M phạm tội "Không tố giác tội phạm".

3. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Mí N 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/6/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 19; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thào Thị M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Thào Thị M cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh H giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị hại Hùng Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Thào Thị M phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PV 06; Công an tỉnh HG.
- VKSND huyện Đồng Văn;
- TAND huyện Đồng Văn;
- CQTHA Hình sự ;
- Chi cục THA DS huyện Đồng Văn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Văn Tiến**